

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định hướng dẫn chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;*

*Thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng để xác định giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các trường hợp quy định tại:

a) Điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

b) Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

c) Khoản 5 Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, được sửa đổi tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

d) Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

đ) Điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

e) Các trường hợp khác phải áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định của pháp luật.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b) Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

c) Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất**

1. Hệ số điều chỉnh giá đất đối với đất phi nông nghiệp (trừ đất trong khu, cụm công nghiệp) được áp dụng tùy theo từng khu vực, tuyến đường, vị trí thuộc địa bàn huyện, thị xã và thành phố, chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm.

2. Hệ số điều chỉnh giá đất đối với đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm và đất nuôi trồng thủy sản (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này) được áp dụng tùy theo từng khu vực thuộc địa bàn huyện, thị xã và thành phố, chi tiết theo các Phụ lục 2, 3 và 4 đính kèm.

3. Đối với đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với các tuyến lộ giao thông trong phạm vi 70 mét tính từ mép lộ giới; đất nông nghiệp trong hành lang lộ giới chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền; đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc khu vực đủ điều kiện chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai; đất nông nghiệp thuộc khu vực đã được cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đủ điều kiện chuyển sang đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai (quy định tại khoản 1 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2020 - 2024) thì hệ số điều chỉnh giá đất được áp dụng chung với hệ số điều chỉnh giá đất của loại đất phi nông nghiệp có cùng vị trí, tuyến đường, khu vực thuộc địa bàn huyện, thị xã và thành phố quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này.

4. Những vị trí, tuyến đường, khu vực và những loại đất không quy định tại các Phụ lục 1, 2, 3, 4 ban hành kèm theo Quyết định này, khoản 3 và khoản 5 Điều này thì áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất là 1,0.

5. Đối với đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp quy định tại Phụ lục 6 kèm theo Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2020 - 2024 thì hệ số điều chỉnh giá đất được áp dụng theo hệ số điều chỉnh giá đất của tuyến đường giao thông có giá cao nhất mà khu công nghiệp, cụm công nghiệp đó đầu nối vào.

(Đính kèm các Phụ lục 1, 2, 3, 4).

### **Điều 3. Trách nhiệm của Sở, ngành, cơ quan thuế và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố**

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, kiểm tra và hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này khi có yêu cầu của các cơ quan, đơn vị liên quan.

2. Cục Thuế tỉnh, Chi cục Thuế các huyện, thị xã, khu vực trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố

a) Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn trực thuộc phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nội dung liên quan đến việc xác định, thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp vi phạm hoặc các trường hợp khiếu nại, tố cáo có liên quan đến việc xác định và thu nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Quyết định này.

### **Điều 4. Quy định chuyển tiếp**

Đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất đã hết thời gian ổn định đơn giá thuê đất, nhưng đến nay chưa điều chỉnh lại đơn giá thuê đất cho chu kỳ ổn định tiếp theo thì nay điều chỉnh lại đơn giá thuê đất theo hệ số điều chỉnh giá đất tại Quyết định này.

### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2023.

2. Các nội dung khác có liên quan đến việc thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Quyết định này thay thế Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

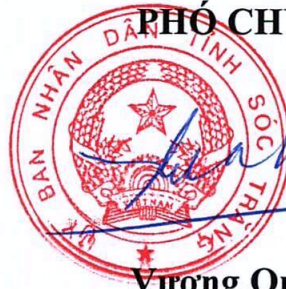
4. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để được hướng dẫn thực hiện.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chi cục trưởng Chi cục Thuế các huyện, thị xã, khu vực, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. *h*

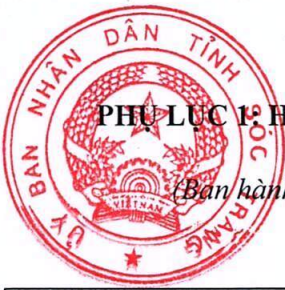
**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ TN&MT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh, các Đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh;
- Phòng TN&MT các huyện, TX, TP;
- Báo ST, Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo trình;
- HTĐT: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: VT, KT, TH, VX, XD, NC. *h* (18b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vương Quốc Nam**



**PHỤ LỤC 1: HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT ĐỐI VỚI ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2023  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 09 /2023/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023
			Từ	Đến	
<b>A THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG</b>					
1	Đường Hai Bà Trưng	1	Toàn tuyến		1,63
2	Đường Đồng Khởi	1	Toàn tuyến		1,38
	Hẻm 122	1	Suốt hẻm		1,25
3	Đường 3 tháng 2	1	Toàn tuyến		1,22
4	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1	Toàn tuyến		1,33
	Hẻm 33	1	Suốt hẻm		1,40
	Hẻm nhánh 33/3	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 45	1	Suốt hẻm		1,20
5	Đường Đào Duy Từ	1	Toàn tuyến		1,25
6	Đường Phạm Ngũ Lão	1	Đ. Hai Bà Trưng	Đường 3 tháng 2	1,24
		1	Đ. Hai Bà Trưng	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,24
		1	Suốt hẻm		1,20
7	Đường Phan Chu Trinh	1	Đ. Hai Bà Trưng	Đường 3 tháng 2	1,53
		2	Đ. Hai Bà Trưng	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,24
		3	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Đề Thám	1,25
	Hẻm 124	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 124/5	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 124/8	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 59	1	Suốt hẻm		1,32
	Hẻm 109	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 119A	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 97A	1	Suốt hẻm		1,20
Hẻm 118	1	Suốt hẻm		1,20	
8	Đường Hàm Nghi	1	Toàn tuyến		1,24
9	Đường Hoàng Diệu	1	Toàn tuyến		1,24
10	Đường Nguyễn Hùng Phước	1	Toàn tuyến		1,33
11	Đường Ngô Quyền	1	Toàn tuyến		1,24
12	Đường Đinh Tiên Hoàng	1	Toàn tuyến		1,20
13	Đường Nguyễn Văn Cừ	1	Toàn tuyến		1,35
	Hẻm 12	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 49	1	Suốt hẻm		1,20
14	Đường Trần Minh Phú	1	Toàn tuyến		1,35
Đường Nguyễn Huệ	1	Đ. Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Du		1,35
	2	Đ. Hai Bà Trưng	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh		1,24
	4	Đường Nguyễn Du	Đ. Phan Đình Phùng		1,25
	3	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đầu Voi		1,25
	5	Đ. Phan Đình Phùng	Hết đất Chùa Đại Giác		1,25
	6	Giáp đất Chùa Đại Giác	Đường Lê Duẩn		1,70

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023
			Từ	Đến	
15	Hẻm 155 (P1)	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 53 (P1)</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 79 (P1)	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 103 (P1)	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 31 (P1)	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 365 (P9)	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 381A (P9)	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 381B (P9)	1	Đường Nguyễn Huệ	Hẻm 381A Đ. Nguyễn Huệ	1,20
	Hẻm 433 (P9)	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 467 (P9)	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 471 (P9)	1	Giáp đường Nguyễn Huệ	Giáp đường Mạc Đình Chi	1,40
	Hẻm 510 (P9)	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 524 (P9)</i>	1	Suốt hẻm		1,40
	Hẻm 598 (P9)	1	Suốt hẻm		1,20
	16	<b>Đường Nguyễn Du</b>	1	Toàn tuyến	
Hẻm 11		1	Suốt hẻm		1,30
Hẻm 13		1	Suốt hẻm		1,30
17	<b>Đường Nguyễn Đình Chiểu</b>	1	Toàn tuyến		1,25
	Hẻm 5, 129, 22, 44	1	Suốt hẻm		1,44
	Hẻm 89, 113	1	Suốt hẻm		1,20
18	<b>Đường Lê Lợi</b>	1	<b>Đ. Tôn Đức Thắng</b>	<b>Nút giao thông Tượng Đài Trung Tâm</b>	1,48
	Hẻm 63	1	Suốt hẻm		1,35
19	<b>Đường Hùng Vương</b>	1	<b>Cổng chính Hồ Nước Ngọt (Đường Dã Tượng)</b>	<b>Đường Trần Quốc Toàn (hộ ông Trần Hoàng Dũng - Thừa đất số 22, tờ BĐ số 10)</b>	1,33
	Hẻm 28	1	Đường Hùng Vương	Hẻm 2 Đ. Huỳnh Phan Hộ	1,41
	<i>Hẻm 28/11</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 28/25</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 63	1	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	1,41
	<i>Hẻm nhánh 63/5</i>	1	Suốt hẻm		1,40
	<i>Hẻm nhánh 63/8</i>	1	Suốt hẻm		1,40
	<i>Hẻm nhánh 63/19</i>	1	Suốt hẻm		1,40
	Hẻm 93	1	Đường Hùng Vương	Hẻm 63 Đ. Hùng Vương	1,40
	<i>Hẻm 93/24</i>	1	Suốt hẻm		1,40
	Hẻm 3	1	<b>Đường Hùng Vương</b>	<b>Giáp hẻm 42 Yết Kiêu</b>	1,20
	<i>Hẻm nhánh 3/4</i>	1	Suốt hẻm		1,40
	Hẻm 7	1	<b>Đường Hùng Vương</b>	<b>Điện Biên Phủ</b>	1,20
	<i>Hẻm nhánh 7/15</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm nhánh 7/72</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm nhánh 7/80</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 101, 121, 149	1	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	1,20
<i>Hẻm 121/11</i>	1	Suốt hẻm		1,30	

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023
			Từ	Đến	
	Hẻm 129	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 135	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 159	1	<i>Đường Hùng Vương</i>	<i>Rạch Trà Men</i>	1,20
	Đường Vành Đai	1	Đường Hùng Vương	Hết thửa đất 472, tờ BĐ số 31 Quách Tông Lộc	1,40
20	<b>Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh</b>	1	<i>Đường Lê Lợi</i>	<i>Đ. 30/4 - Công Bộ Đội Biên Phòng</i>	1,24
	Hẻm 93	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 83	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 98	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 76	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm nhánh 76/2</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm nhánh 76/11</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 84	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 48	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 145 (P6)	1	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Giáp hẻm 81 Ngô Gia Tự	1,20
21	<b>Đường Cách Mạng Tháng Tám</b>	1	Đ. Hai Bà Trưng	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,32
		2	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đ. Nguyễn Văn Hữu	1,25
	Hẻm 58	1	Suốt hẻm		1,20
22	<b>Đường Lý Thường Kiệt</b>	1	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đ. Đồng Khởi	1,42
		2	Đ. Đồng Khởi	Đường Lê Duẩn	1,25
		3	<i>Đường Lê Duẩn</i>	<i>Chợ Sung Đình</i>	1,20
		2	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đầu Voi	1,35
	Hẻm 176 (P1)	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 168 (P1)	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 310 (P4), hẻm 306B	1	Suốt hẻm		1,43
	<i>Hẻm 584, 764, 944 (P4)</i>	1	Suốt hẻm		1,47
	Hẻm 292, 336, 346, 368, 376, 414, 440, 468, 510, 526, 534, 558 (P4)	1	Suốt hẻm		1,65
	Hẻm 680, 960 (P4)	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 636, 666, 672 (lộ đal K6) (P4)</i>	1	Suốt hẻm		1,20
<b>Đường dân sinh cặp chân cầu qua sông Masperro (đoạn từ đường Đồng Khởi đến đường Lê Duẩn)</b>	1	Đầu ranh thửa đất số 43 - tờ bản đồ số 20	Hết thửa đất số 221, tờ bản đồ số 20 và hết thửa đất 01, tờ bản đồ số 01	1,25	
<b>Đường Trần Hưng Đạo</b>	1	Đường 30 tháng 4	Đường Phú Lợi	2,00	
	2	Đường Phú Lợi - Lê Duẩn	Nguyễn Văn Linh - Dương Minh Quang	1,67	
	3	Nguyễn Văn Linh - Dương Minh Quang	Tỉnh Lộ 934 (An Dương Vương) - Nút giao thông Trà Tim	1,60	
Hẻm 174, 98, 144 (P2)	1	Suốt hẻm		1,20	
Hẻm 62, 118, 132, 140 (P2)	1	Suốt hẻm		1,20	



STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023	
			Từ	Đến		
23	Hẻm 45, 51 (P3)	1	Suốt hẻm		1,20	
	<i>Hẻm 55 (P3)</i>	1	Suốt hẻm		1,20	
	<i>Hẻm 85 (P3)</i>	1	Suốt hẻm		1,20	
	<i>Hẻm 151 (P3)</i>	1	Suốt hẻm		1,20	
	<i>Hẻm 155 (P3)</i>	1	Suốt hẻm		1,20	
	<i>Hẻm 185 (P3)</i>	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 27, 71, 101, 137 (P3)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 191, 199, 227, 249, 265, 285, 427, 491 (P3)	1	Suốt hẻm		1,20	
	<i>Hẻm 293, 303, 345, 695</i>	1	Suốt hẻm		1,20	
	<i>Hẻm 357</i>	1	Suốt hẻm		1,20	
	<i>Hẻm 405 (P3)</i>	1	Suốt hẻm		1,20	
	<i>Hẻm 449 (P3)</i>	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 543, 505 (P3)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 567	1	Giáp đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa đất 33, tờ BĐ số 55		1,25
		2	Đầu ranh thửa đất số 44, tờ bản đồ số 55	Giáp đường Vành Đai II (đoạn 2)		1,20
	<i>Hẻm 231, 607 (P3)</i>	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 623, 647 (P3)	1	Suốt hẻm		1,20	
	<i>Hẻm 777 (P3)</i>	1	Suốt hẻm		1,20	
	<i>Hẻm 248 (P10)</i>	1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa 582, tờ BĐ số 9 Lương Mạnh Duy		1,20
	<i>Hẻm 266 (P10)</i>	1	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp hẻm 1143 Đ. Quốc Lộ 1A		1,20
	<i>Hẻm 280 (P10)</i>	1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa 54, tờ BĐ số 11 Thị Quen		1,20
	<i>Hẻm 308 (P10)</i>	1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa 1138, tờ BĐ số 11 Thạch Phương		1,20
	<i>Hẻm 344 (P10)</i>	1	Đường Trần Hưng Đạo	<i>Hết thửa 174, tờ BĐ số 11 Trưng Quốc Hùng</i>		1,20
	<i>Hẻm 368 (P10)</i>	1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa 266, tờ BĐ số 11 Huỳnh Thị Muôn		1,20
	Hẻm 897 (P10)	1	Suốt hẻm		1,20	
	<i>Hẻm nhánh 897/39 (P10)</i>	1	Suốt hẻm		1,40	
	<i>Hẻm nhánh 897/42 (P10)</i>	1	Suốt hẻm		1,40	
	<i>Hẻm 929 (P10)</i>	1	Suốt hẻm		1,20	
	<i>Hẻm 957 (P10)</i>	1	Đường Trần Hưng Đạo	<i>Hết thửa 534, tờ BĐ số 12 Trần Thiện Tâm</i>		1,20
	<i>Hẻm 1005 (P10)</i>	1	Đường Trần Hưng Đạo	<i>Hết thửa 205, tờ BĐ số 12</i>		1,20
	<i>Hẻm 1017 (P10)</i>	1	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa 478, tờ BĐ số 12 Lý Nang		1,20
	<i>Hẻm 1085 (P10)</i>	1	Suốt hẻm		1,20	
<i>Hẻm 1107 (P10)</i>	1	Suốt hẻm		1,20		
<i>Hẻm 1159 (P10)</i>	1	Suốt hẻm		1,20		

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023	
			Từ	Đến		
24	Tuyến tránh Quốc Lộ 1A	1	Giáp Quốc Lộ 1A (P7)	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (P7)	1,33	
		2	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (P7)	Giáp ranh Phường 10	1,33	
		3	Giáp ranh Phường 10	Giáp ranh xã Đại Tâm, Mỹ Xuyên	1,33	
25	Đường Lê Hồng Phong	1	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,25	
		2	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Đoàn Thị Điểm	1,25	
		3	Đường Đoàn Thị Điểm	Giáp ranh huyện Mỹ Xuyên	1,20	
	Hẻm 12, 44	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 90 (P3)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 197 (P3)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 33 (P3)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 145, 167, 183, 282, 354, 357, 495, 507, 575	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 495 nối dài	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 430	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 341	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 326 (P3)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 508, 604 (P3)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 475 (P3)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 585 (P3)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 332 (P3)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 318	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 462	1	Suốt hẻm		1,48	
	Hẻm 448 (P3)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 639, 673	1	Suốt hẻm		1,65	
Hẻm 655 (P3)	1	Suốt hẻm		1,20		
Hẻm 719	1	Giáp đường Lê Hồng Phong	Hết thửa đất 185, tờ bản đồ số 56		1,20	
	2	Giáp thửa đất 185, tờ bản đồ số 56	Giáp đường 30/4		1,20	
26	Đường Phú Lợi	1	Toàn tuyến		1,40	
	Hẻm 263, 244, 155, 333	1	Suốt hẻm		1,25	
	Hẻm 73	1	Đường Phú Lợi	Cuối hẻm (giáp đất bà Lâm Thị Mười)		1,20
		2	Đường Phú Lợi	Hết đất Lương Thanh Hải (Thửa số 226, tờ BĐ 44)		1,20
	Hẻm 73/50	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 73/56	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 73/66	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 188	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 12	1	Suốt hẻm		1,20	



STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023	
			Từ	Đến		
27	Hẻm 29	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 99	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 10, 293	1	Suốt hẻm		1,20	
	Đường Lê Duẩn	1	Đ. Trần Hưng Đạo	Đ. Lê Hồng Phong		1,25
		2	Đ. Lê Hồng Phong	Đường 30 tháng 4		1,25
		3	Đường 30 tháng 4	Đường Mạc Đĩnh Chi		1,25
		4	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đ. Lý Thường Kiệt		1,25
		5	Cầu Lê Duẩn (Sông Maspero)	Đ. Phạm Hùng		1,20
	Hẻm 13 (P3)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 24 (P3)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 697, 550 (P4)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 546 (P4)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Đường dân sinh cấp chân cầu qua sông Maspero	1	Đầu thửa đất số 45, tờ BĐ số 20	Hết thửa đất số 446, tờ BĐ số 20		1,25
		1	Đầu thửa đất số 12, tờ BĐ số 21	Hết thửa đất số 58, tờ BĐ số 01		1,25
	Quốc Lộ 1 A	Quốc Lộ 1 A	1	Giáp ranh huyện Châu Thành	Trần Quốc Toản (tính từ ranh hẻm 298 bên P7)	
2			Trần Quốc Toản (tính từ ranh hẻm 298 bên P7)		Công Tráng	1,20
3			Công Tráng		Ngã ba Trà Tim	1,20
Hẻm 472, 389, 526 (P2)		1	Suốt hẻm		1,20	
Hẻm 383 (P2)		1	Suốt hẻm		1,20	
Hẻm 484 (P2)		1	Suốt hẻm		1,20	
Hẻm 410 (P2)		1	Đường Đê bao Trà Quýt	Cuối hẻm		1,20
Hẻm 417, 448, 901 (P2)		1	Suốt hẻm		1,20	
Hẻm nhánh 448/1		1	Suốt hẻm		1,20	
Hẻm nhánh 448/4		1	Suốt hẻm		1,20	
Hẻm nhánh 448/18		1	Suốt hẻm		1,20	
Hẻm nhánh 448/24		1	Suốt hẻm		1,20	
Hẻm nhánh 448/29		1	Suốt hẻm		1,20	
Hẻm 416 (P2)		1	Suốt hẻm		1,20	
Hẻm 538, 607, 547, 638, 699, 757, 825, 726, 882 (P2)		1	Suốt hẻm		1,20	
Hẻm 548 (P2)	1	Suốt hẻm		1,20		
Hẻm 689 (P2)	1	Suốt hẻm		1,20		
Hẻm 437 (P2)	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Hết thửa đất số 15, tờ bản BĐ 04 của ông Dương Văn Thâm và toàn khu dân cư 437		1,30	
	1	Toàn khu dân cư 437		1,20		
Hẻm nhánh 437/18 (P2)	1	Suốt hẻm		1,42		
Hẻm nhánh 437/30 (P2)	1	Suốt hẻm		1,42		
Hẻm nhánh 437/50 (P2)	1	Suốt hẻm		1,42		
Hẻm nhánh 437/45 (P2)	1	Suốt hẻm		1,42		

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023	
			Từ	Đến		
28	Hẻm 854 (P2)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 908 (P2)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 792 (P2)	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Hết thửa đất số 23, tờ BĐ số 24		1,20
		1	Đầu ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24	Hết thửa đất số 2234, tờ BĐ số 53		1,20
	Hẻm 506 (P2)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 215 (P6)	1	Suốt hẻm		1,30	
	Hẻm 367 (P6)	1	Quốc Lộ 1	Đường Điện Biên Phủ		1,30
	Hẻm nhánh 367/9 (P6)	1	Suốt hẻm		1,45	
	Hẻm 1 (P7)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 3 (P7)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm nhánh 3/39 (P7)	1	Suốt hẻm		1,40	
	Hẻm 121 (P7)	1	Quốc Lộ 1	Kênh 30/4		1,20
	Hẻm 54 (P7)	1	Quốc Lộ 1	Đường Lê Hoàng Chu		1,20
	Hẻm nhánh 54/1 (P7)	1	Suốt hẻm		1,43	
	Hẻm nhánh 54/8 (P7)	1	Suốt hẻm		1,43	
	Hẻm 170 (P7)	1	Quốc Lộ 1	Cuối hẻm		1,20
	Hẻm nhánh 170/43 (P7)	1	Suốt hẻm		1,27	
	Hẻm nhánh 170/54 (P7)	1	Suốt hẻm		1,27	
	Hẻm 222 (P7)	1	Quốc Lộ 1	Đường Lê Hoàng Chu		1,20
	Hẻm nhánh 222/9 (P7)	1	Suốt hẻm		1,37	
	Hẻm nhánh 222/7A (P7)	1	Suốt hẻm		1,37	
	Hẻm 238 (P7)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 298 (P7)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 334 (P7)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 1142 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Hết thửa 124, tờ BĐ số 11		1,20
	Hẻm 1143 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Hết thửa 53, tờ BĐ số 11 Danh Mười		1,20
	Hẻm nhánh 1143/27 (P10)	1	Suốt hẻm		1,37	
	Hẻm 1161 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Giáp ranh Chùa Trà Tim		1,20
Hẻm nhánh 1161/13 (P10)	1	Suốt hẻm		1,37		
Hẻm nhánh 1161/14 (P10)	1	Suốt hẻm		1,37		
Hẻm 1180 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Giáp ranh xã Đại Tâm, Mỹ Xuyên		1,20	
Hẻm 1185 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Hết thửa 2082, tờ BĐ số 11 Võ Văn Hoa		1,20	
Hẻm nhánh 1185/5 (P10)	1	Suốt hẻm		1,37		
Hẻm nhánh 1185/16 (P10)	1	Suốt hẻm		1,37		
Hẻm 1194 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Hẻm 1180 (P10)		1,20	
Hẻm nhánh 1194/22 (P10)	1	Hẻm 1194 (P10)	Giáp tuyến tránh QL 60		1,20	
Hẻm 1226 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Hết thửa 430, tờ BĐ số 11 Trần Văn Minh		1,20	
Hẻm 1225 (P10)	1	Quốc Lộ 1	Hết thửa 265, tờ BĐ số 11 Điện Vôn		1,20	



STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023
			Từ	Đến	
	<i>Hẻm nhánh 1225/30 (P10)</i>	1	<i>Suốt hẻm</i>		1,37
	Hẻm 962 (P10)		Giáp Quốc Lộ 1A	<i>Hết thửa đất 126 từ BĐ số 4</i>	1,20
	<i>Hẻm nhánh 962/29 (P10)</i>	1	<i>Suốt hẻm</i>		1,30
	<i>Hẻm nhánh 962/33 (P10)</i>	1	<i>Suốt hẻm</i>		1,37
	<i>Hẻm nhánh 962/57 (P10)</i>	1	Thửa đất số 461 tờ bản đồ số 4	Giáp thửa đất số 126 tờ bản đồ số 4	1,30
	Hẻm 1056 (P10)	1	Giáp Quốc Lộ 1A	<i>Hết thửa đất số 199, tờ BĐ số 8 (Dúch Thị Ba)</i>	1,30
	<i>Hẻm nhánh 1056/25 (P10)</i>	1	<i>Suốt hẻm</i>		1,30
	Hẻm 1070 (P10)	1	Giáp Quốc Lộ 1A	<i>Hết thửa đất số 67, tờ BĐ 8</i>	1,20
	<i>Hẻm nhánh 1070/19 (P10)</i>	1	<i>Suốt hẻm</i>		1,30
	Hẻm 1098	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Giáp thửa đất số 634, tờ BĐ số 8	1,20
		1	Đầu ranh thửa đất số 683, tờ BĐ số 8	Hết thửa đất số 356, tờ BĐ số 8	1,20
	Hẻm 882 (P2)	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Hết thửa đất số 2242, tờ BĐ số 53	1,20
	<i>Hẻm 1132 (Ranh K2 - K3)</i>	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Hết thửa đất số 139, tờ BĐ số 7	1,20
	<i>Hẻm 238</i>	1	<i>Suốt hẻm</i>		1,20
	<i>Hẻm Chùa Trà Tim</i>	1	<i>Suốt hẻm</i>		1,70
29	<i>Đường Nguyễn Trường Tộ</i>	1	<i>Đường Sóc Vồ</i>	<i>Nhà hàng Thủy Tiên</i>	1,20
30	<i>Đường vào Khu văn hóa Tín Ngưỡng tỉnh (P2) (nay là đường Trần Nhân Tông)</i>	1	Quốc Lộ 1A	<i>Khu văn hóa Tín Ngưỡng</i>	1,40
	Đường 30 tháng 4	1	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Nguyễn Du	1,24
		2	Đường Nguyễn Du	Ngã 4 đường Lê Duẩn	1,25
		3	Ngã 4 đường Lê Duẩn	<i>Cuối đường (Đường Bạch Đằng)</i>	1,20
		4	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	<i>Hẻm 278 Trương Công Định</i>	1,20
	Hẻm 5, 123 (P2)	1	<i>Suốt hẻm</i>		1,20
	<i>Hẻm 109 (P2)</i>	1	<i>Suốt hẻm</i>		1,20
	<i>Hẻm 17</i>	1	<i>Suốt hẻm</i>		1,20
	<i>Hẻm 101</i>	1	<i>Suốt hẻm</i>		1,20
	Hẻm 44	1	<i>Suốt hẻm</i>		1,27
31	<i>Hẻm 124, 134, 152, 174, 182, 248 (P3)</i>	1	<i>Suốt hẻm</i>		1,20
	Hẻm 164, 290 (P3)	1	<i>Suốt hẻm</i>		1,20
	<i>Hẻm 258 (P3)</i>	1	<i>Suốt hẻm</i>		1,20
	<i>Hẻm 144, 320 (P3)</i>	1	<i>Suốt hẻm</i>		1,20
	<i>Hẻm 496 (P3)</i>	1	<i>Suốt hẻm</i>		1,20
	<i>Hẻm 112 (P3)</i>	1	<i>Suốt hẻm</i>		1,20
	<i>Hẻm 120 (P3)</i>	1	<i>Suốt hẻm</i>		1,30
	<i>Hẻm 220 (P3)</i>	1	<i>Suốt hẻm</i>		1,20
	Hẻm 332 (P3)	1	<i>Suốt hẻm</i>		1,20

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023
			Từ	Đến	
	Hẻm 625	1	Suốt hẻm		1,30
32	Đường Hồ Minh Luân	1	Toàn tuyến		1,25
33	Đường Trần Phú	1	Toàn tuyến		1,26
34	Đường Trần Văn Sắc	1	Toàn tuyến		1,26
35	Đường Hồ Hoàng Kiếm	1	Toàn tuyến		1,26
36	Quãng Trường Bạch Đằng	1	Toàn tuyến		1,35
37	Đường Trương Công Định	1	Đ. Nguyễn Trung Trực	Đ. Nguyễn Văn Linh	1,40
		2	Đ. Nguyễn Văn Linh	Quốc lộ 1A	1,25
	Hẻm 9, 93, 267, 278 (P2)	1	Suốt hẻm		1,30
	Hẻm nhánh 278/19	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm nhánh 278/26	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm nhánh 278/46	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 46, 56, 86, 98, 140, 246, 292, 109 (P2)	1	Suốt hẻm		1,30
	Hẻm nhánh 98/1 (P2)	1	Suốt hẻm		1,25
	Hẻm nhánh 86/19 (P2)	1	Suốt hẻm		1,25
	Hẻm nhánh 56/1 (P2)	1	Suốt hẻm		1,25
	Hẻm nhánh 46/1 (P2)	1	Suốt hẻm		1,25
	Hẻm nhánh 46/12 (P2)	1	Suốt hẻm		1,25
	Hẻm 195 (P2)	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm nhánh 195/9	1	Suốt hẻm		1,25
	Hẻm nhánh 195/57	1	Suốt hẻm		1,25
	Hẻm nhánh 195/71	1	Suốt hẻm		1,25
	Hẻm nhánh 195/239	1	Suốt hẻm		1,25
	Hẻm 109 nổi dài (Cặp Chùa Hương Sơn)	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 81 (P2)	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 167 (P2)	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 291 (P2)	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 234 (P2)	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 156 (P2)	1	Suốt hẻm		1,20
Hẻm nhánh 156/3 (P2)	1	Suốt hẻm		1,37	
Hẻm 156, 245 (P2)	1	Suốt hẻm		1,20	
Hẻm 37 (P2)	1	Suốt hẻm		1,30	
38	Đường Nguyễn Trung Trực	1	Đường Phú Lợi	Đường 30 tháng 4 - Cổng Biên Phòng	1,25
	Hẻm 143	1	Suốt hẻm		1,20
39	Đường Trần Bình Trọng	1	Toàn tuyến		1,26
	Hẻm 31, 53, 69	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 9, 59, 81	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm lộ 3	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 39	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 138	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 121	1	Suốt hẻm		1,20
40	Đường Lý Tự Trọng	1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Bình Trọng	1,20

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023	
			Từ	Đến		
40	Hẻm 25	1	Suốt hẻm		1,20	
41	<b>Đường Bùi Thị Xuân</b>	1	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trương Văn Quới	1,20	
42	<b>Đường Trương Văn Quới</b>	1	<i>Đường Trần Hưng Đạo</i>	<i>Nguyễn Trung Trực</i>	1,20	
43	<b>Đường Nhánh Phú Lợi (Đường Nhật Lệ)</b>	1	<i>Đường Phú Lợi</i>	<i>Đường Trương Văn Quới</i>	1,20	
44	<b>Đường Nguyễn Trãi</b>	1	Toàn tuyến		1,24	
45	<b>Đường Bạch Đằng</b>	1	Đường Lý Thường Kiệt	<i>Đường Mạc Đình Chi</i>	1,20	
		2	<i>Đường Mạc Đình Chi</i>	<i>Đường 30 tháng 4</i>	1,40	
	Hẻm 22, 66, 196, 255, 88, 118 (P4)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 128, 154 (P4)	1	Suốt hẻm		1,20	
	<i>Hẻm 182 (P4)</i>	1	Suốt hẻm		1,37	
	<i>Hẻm 248 (P4)</i>	1	Suốt hẻm		1,30	
	<i>Hẻm 230 (P4)</i>	1	Suốt hẻm		1,20	
	<i>Hẻm 550 (P4)</i>	1	Suốt hẻm		1,20	
	<b>Đường Điện Biên Phủ</b>	1	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Yết Kiêu	1,25	
		2	<i>Đường Yết Kiêu</i>	<i>Cuối đường</i>	1,20	
	Hẻm 94	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 102	1	Đường Điện Biên Phủ	Giáp hẻm 145 Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,20	
	Hẻm 132	1	Đường Điện Biên Phủ	Giáp hẻm 145 Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,20	
46	Hẻm 156	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 218	1	Đường Điện Biên Phủ	Giáp hẻm 42 Yết Kiêu	1,20	
	Hẻm 294	1	Đường Điện Biên Phủ	Rạch Trà men	1,20	
	Hẻm 312	1	Đường Điện Biên Phủ	Rạch Trà men	1,20	
	Hẻm 316	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 322	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 330	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 356	1	Suốt hẻm		1,20	
		<b>Đường Mạc Đình Chi</b>	1	Đường Đồng Khởi	Ngã 4 đường Lê Duẩn	1,25
			2	Ngã 4 đường Lê Duẩn	Đường Bạch Đằng	1,20
	Hẻm 9, 45, 119, 233 (P4)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 23, 33, 53 (P4)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 537, 539, 759 (P4)	1	Suốt hẻm		1,20	
	Hẻm 70 (P9)	1	Suốt hẻm		1,30	
	<i>Hẻm 80 (P9)</i>	1	Suốt hẻm		1,20	
	<i>Hẻm 86 (P9)</i>	1	Suốt hẻm		1,20	
	<i>Hẻm 94 (P9)</i>	1	Suốt hẻm		1,20	
47	<i>Hẻm 220</i>	1	<i>Suốt hẻm</i>		1,20	
	<i>Hẻm 218 (P9)</i>	1	Suốt hẻm		1,20	
	<i>Hẻm 230 (P9)</i>	1	Suốt hẻm		1,20	

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023
			Từ	Đến	
	Hèm 266 (P9)	1	Đường Mạc Đình Chi	Đường Nguyễn Huệ	1,30
	Hèm 456 (P9)	1	<i>Đường Mạc Đình Chi</i>	<i>Giáp kênh 3/2</i>	1,20
	Hèm 548 (P9)	1	<i>Đường Mạc Đình Chi</i>	<i>Hết ranh thửa đất số 590 tờ bản đồ 20</i>	1,20
	Hèm 612 (P9)	1	Đường Mạc Đình Chi	Giáp kênh 3/2	1,30
	<i>Hèm 873</i>	1	<i>Suốt hèm</i>		1,37
48	<i>Đường Trục Hướng Đông khu Hành Chính (P4)</i>	1	Đường Mạc Đình Chi	Đường Lý Thường Kiệt	1,30
49	Đường Phan Đình Phùng	1	Đường Nguyễn Huệ	<i>Đường Mạc Đình Chi</i>	1,25
		2	<i>Đường Mạc Đình Chi</i>	Hèm 150 Phan Đình Phùng	1,20
	Hèm 150	1	Suốt hèm		1,20
50	Đường Vành Đai II (P3)	1	Đ. Dương Minh Quang	<i>Hèm 567 Đ. Trần Hưng Đạo</i>	1,20
		2	<i>Hèm 567 Đ. Trần Hưng Đạo</i>	Đường Văn Ngọc Chính	1,20
	Hèm 26	1	Suốt hèm		1,43
	Hèm 258	1	Suốt hèm		1,30
51	Đường dân sinh cặp chân cầu Khánh Hưng	1	Đầu ranh thửa đất số 7, tờ BĐ số 9	Hết ranh thửa đất số 17, tờ BĐ số 9	1,20
		1	Đầu ranh thửa đất số 90, tờ BĐ số 11	Hết ranh thửa đất số 191, tờ BĐ số 11	1,20
		1	Đầu ranh thửa đất số 116, tờ BĐ số 3	Hết ranh thửa đất số 475, tờ BĐ số 4	1,20
52	Đường dân sinh cặp chân cầu kênh Xáng	1	Đầu ranh thửa đất số 34, tờ BĐ số 01	Hết ranh thửa đất số 8, tờ BĐ số 01	1,20
53	Đường Kênh 19/5	1	Giáp hèm 371 (Đầu ranh thửa đất số 97, tờ bản đồ 26)	Kênh Thanh Niên	1,20
		2	Kênh Thanh Niên	Giáp ranh Phường 7	1,20
54	Đường Kênh 22/3	1	Giáp đường Lương Định Của	Cuối Kênh	1,20
55	Đường Kênh Liêu Sơn	1	Giáp đường lộ đá Kênh Cầu Xéo	<i>Giáp kênh 2 tháng 9</i>	1,20
56	Đường Mai Thanh Thế	1	Đường Đồng Khởi	Đường Nguyễn Du	1,25
		2	Đường Nguyễn Du	<i>Hết ranh thửa đất 251, tờ BĐ số 4 - Hết ranh thửa đất 218, tờ BĐ số 4</i>	1,25
		3	<i>Hết ranh thửa đất 251, tờ BĐ số 4 - Hết ranh thửa đất 218, tờ BĐ số 4</i>	<i>Cuối Đường</i>	1,10
	Hèm	1	<i>Đường Mai Thanh Thế</i>	<i>Đường Mạc Đình Chi</i>	1,20
	Hèm 1, 12	1	Suốt hèm		1,27
	Hèm 64, 76, 152	1	Suốt hèm		1,20
	<i>Hèm nhánh 152/33</i>	1	Suốt hèm		1,20



STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023
			Từ	Đến	
57	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 tháng 4	1,25
	Hẻm 65, 143, 181	1	Suốt hẻm		1,30
	Hẻm 15, 27, 43	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 83	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 85	1	Suốt hẻm		1,20
58	Đường Phan Bội Châu	1	Đường Trần Hưng Đạo	Đ. Nguyễn Thị Minh Khai	1,25
	Hẻm 22	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 34	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 42	1	Suốt hẻm		1,20
59	Đường Thủ Khoa Huân	1	Đường Phan Bội Châu	Đường 30 tháng 4	1,20
60	Đường Trần Quang Diệu	1	Toàn tuyến		1,20
61	Đường Nguyễn Văn Thêm	1	Toàn tuyến		1,20
	Hẻm 11	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 63	1	Suốt hẻm		1,20
62	Đường Ngô Gia Tự	1	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Ngã 3 đường Dã Tượng	1,25
		2	Đường Lê Lai	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	1,25
	Hẻm 81	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 95	1	Suốt hẻm		1,20
63	Đường Lê Vĩnh Hoà	1	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Pasteur - Bà Triệu	1,20
	Hẻm 2	1	Đường Lê Vĩnh Hòa	Hết ranh thửa 107, tờ BĐ số 30 Ông Mã Chạp	1,20
		2	Giáp ranh thửa 107, tờ BĐ số 30 Ông Mã Chạp	Hết ranh thửa số 80, tờ BĐ số 29 Trần Thị Cương	1,20
64	Đường Nguyễn Văn Hữu	1	Toàn tuyến		1,37
	Hẻm 55	1	Suốt hẻm		1,20
65	Đường Lê Lai	1	Toàn tuyến		1,25
66	Đường Calmette	1	Toàn tuyến		1,25
	Hẻm 33	1	Từ Calmette	Đường Lai Văn Tùng	1,32
67	Đường Yết Kiêu	1	Toàn tuyến		1,25
	Hẻm 42	1	Đường Yết Kiêu	Giáp hẻm 218 Đường Điện Biên Phủ	1,20
68	Đường Dã Tượng	1	Toàn tuyến		1,25
69	Đường Võ Đình Sâm	1	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	1,20
	Hẻm 5	1	Giáp đường Võ Đình Sâm	Hết thửa đất số 112, tờ BĐ 29	1,20
	Hẻm 9	1	Giáp đường Võ Đình Sâm	Giáp đường Trần Văn Hòa	1,20
70	Đường Đặng Văn Viễn	1	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	1,20
71	Đường Pasteur	1	Đ. Lê Vĩnh Hoà	Hẻm 2, giáp ranh Phường 5	1,20
	Hẻm 50	1	Suốt hẻm		1,20
72	Đường Bùi Viện	1	Toàn tuyến		1,20
	Hẻm 2	1	Suốt hẻm		1,31
	Hẻm 10, 17	1	Suốt hẻm		1,41
73	Đường Nguyễn Chí Thanh	1	Toàn tuyến		1,25
	Hẻm 4	1	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hết thửa đất số 57, tờ BĐ 28 Nguyễn Ngọc Rạng	1,30

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023
			Từ	Đến	
	Hẻm 79	1	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Lai Văn Tùng	1,20
74	<b>Đường Trần Văn Hòa</b>	1	Toàn tuyến		1,20
	<i>Hẻm 36, 74</i>	1	Đường Trần Văn Hòa	Đường Bà Triệu	1,20
	<i>Hẻm 12</i>	1	Đường Trần Văn Hòa	Hết thửa đất số 113, tờ BĐ số 37	1,20
75	<b>Đường Bà Triệu</b>	1	Toàn tuyến		1,20
76	<b>Đường Đê Thám</b>	1	Toàn tuyến		1,25
	Hẻm 6	1	Suốt hẻm		1,30
	<i>Hẻm nhánh 6/6</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm nhánh 6/11</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 23	1	Suốt hẻm		1,30
	<i>Hẻm nhánh 23/2</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm nhánh 23/4</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 24	1	Suốt hẻm		1,20
77	<b>Đường Sơn Đê</b>	1	Toàn tuyến		1,25
78	<b>Đường Lê Văn Tám</b>	1	Toàn tuyến		1,20
	<i>Hẻm 79</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 68</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 122</i>	1	Suốt hẻm		1,20
79	<b>Đường Lai Văn Tùng</b>	1	Toàn tuyến		1,25
	Hẻm 2	1	Suốt hẻm		1,30
80	<b>Đường Châu Văn Tiếp</b>	1	Toàn tuyến		1,20
81	<b>Đường Nguyễn Văn Linh</b>	1	<i>Đường Trần Hưng Đạo</i>	<i>Đường Phú Lợi</i>	1,25
		2	<i>Đường Phú Lợi</i>	<i>Hết ranh thửa đất 28, tờ bản đồ số 6 - Đường 30/4</i>	1,25
	Hẻm 160, 222	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 48, 366, 358, 414, 468	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 367</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 468</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 235</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 252</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 364</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 282</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 398</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 305	1	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết ranh đất Lương Thanh Hải (thửa 226, tờ BĐ số 44)	1,20
	Hẻm 104	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 175	1	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	Hết thửa đất số 99, tờ BĐ số 37	1,40
	Hẻm 206	1	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	Giáp hẻm 244, Phú Lợi	1,20
<i>Hẻm 187</i>	1	Suốt hẻm		1,20	
<b>Đường Dương Kỳ Hiệp</b>	1	<i>Đ. Nguyễn Văn Linh</i>	<i>Kênh 16m</i>		1,20
	2	<i>Kênh 16m</i>	<i>Tuyến Tránh Quốc Lộ 1A</i>		2,00

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023
			Từ	Đến	
82		3	<i>Tuyến Tránh Quốc Lộ 1A</i>	<i>Giáp ranh xã Phú Mỹ huyện Mỹ Tú</i>	1,32
	Hẻm 197	1	Suốt hẻm		1,42
	<i>Hẻm 189 (P2)</i>	1	Suốt hẻm		1,43
	Hẻm 75	1	<i>Giáp đường Dương Kỳ Hiệp</i>	<i>Hết thửa đất 594, tờ BĐ số 53</i>	1,20
83	<b>Đường Kênh 30 tháng 4 (nhánh phía Đông)</b>	1	Từ Hồ Nước Ngọt	<i>Cầu dân sinh - Hết ranh đất thửa 828, tờ BĐ số 02</i>	1,20
		2	<i>Cầu dân sinh - Giáp ranh đất thửa 828, tờ BĐ số 02</i>	Giáp ranh Phường 7	1,20
	<i>Hẻm 150</i>	1	<i>Suốt hẻm</i>		1,20
84	<b>Đường Kênh 30 tháng 4 (nhánh phía Tây)</b>	1	Từ Hồ nước ngọt	<i>Cầu dân sinh</i>	1,20
		2	<i>Cầu dân sinh</i>	Giáp ranh Phường 7	1,20
85	<b>Đường Dương Minh Quan</b>	1	Đ. Trần Hưng Đạo	Đ. Văn Ngọc Chính	1,25
	Hẻm 175, 243	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 220 (P3)</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 46, 68 (P3)</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 52 (P3)</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 31 (P3)</i>	1	Suốt hẻm		1,37
	86	<b>Đường Văn Ngọc Chính</b>	1	Đ. Lê Hồng Phong (Đầu ranh thửa 75 tờ BĐ 31)	<b>Hết ranh đất Chùa Mã Tộc</b>
2			<b>Giáp ranh đất Chùa Mã Tộc</b>	Tà Lách	1,20
3			Tà Lách	Cầu đúc giáp ranh huyện Mỹ Xuyên	1,20
Hẻm 10, 26, 120, 69, 91		1	Suốt hẻm		1,20
<i>Hẻm 52</i>		1	Suốt hẻm		1,20
<i>Hẻm 99</i>		1	Suốt hẻm		1,43
Hẻm 153 (hẻm 135 cũ)		1	Suốt hẻm		1,20
<i>Hẻm 205</i>		1	Suốt hẻm		1,20
<i>Hẻm 271</i>		1	Suốt hẻm		1,37
<i>Hẻm 231, 247, 259, 295</i>		1	Suốt hẻm		1,20
<i>Hẻm 237</i>		1	Suốt hẻm		1,20
<i>Hẻm 279, 312, 420, 384, 434</i>		1	Suốt hẻm		1,20
Hẻm 185, 221, 267, 327		1	Suốt hẻm		1,20
87	<b>Đường Đoàn Thị Điểm</b>	1	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 tháng 4	1,20
	Hẻm 122	1	Giáp đường Đoàn Thị Điểm	Hết thửa đất số 17, tờ BĐ số 57	1,37
		2	Đầu ranh thửa đất số 234, tờ BĐ số 57	Bờ kênh Thủy lợi giáp ranh huyện Mỹ Xuyên	1,20
	Hẻm 179	3	Giáp đường Đoàn Thị Điểm	Hết thửa đất số 146, tờ BĐ số 37	1,20

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023
			Từ	Đến	
	<i>Hẻm 152, 194, 204</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 30 nối dài</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 30, 74	1	Suốt hẻm		1,20
88	<b>Đường Sóc Vồ</b>	1	Toàn tuyến		1,20
	<i>Hẻm 23, 103</i>	1	Suốt hẻm		1,41
	Hẻm 171, 113, 97	1	Suốt hẻm		1,41
	Hẻm 199, 119, 157	1	Suốt hẻm		1,37
89	<b>Đường Lê Hoàng Chu</b>	1	Cầu Kênh Xáng (QL 1A)	Đường Sóc Vồ	1,20
	<i>Hẻm 202</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 294</i>	1	Suốt hẻm		1,41
90	<b>Đường Nam Kỳ Khởi nghĩa</b>	1	<i>Cầu Đen ( QL 1A )</i>	<i>Tuyến Tránh Quốc Lộ 1A</i>	1,31
		2	<i>Tuyến Tránh Quốc Lộ 1A</i>	<i>Bia tường niệm - Hết thửa đất số 13 từ BĐ số 18</i>	1,20
		3	<i>Bia tường niệm - Giáp thửa đất số 13 từ BĐ số 18</i>	Giáp ranh huyện Châu Thành	1,20
	Hẻm 369 (đ.bãi rác)	1	Đ. Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Bãi Rác	1,35
	Hẻm 325	1	Suốt hẻm		1,30
	Hẻm 233	1	Suốt hẻm		2,50
	<i>Hẻm nhánh 233/12A</i>	1	Suốt hẻm		1,43
	<i>Hẻm nhánh 233/4D</i>	1	Suốt hẻm		1,43
	<i>Hẻm nhánh 233/11</i>	1	Suốt hẻm		1,37
	<i>Hẻm 114A</i>	1	Suốt hẻm		1,30
	<i>Hẻm 176 (Đường vào Trường CD nghề)</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 157	1	Suốt hẻm		1,33
	<i>Hẻm nhánh 157/2</i>	1	Suốt hẻm		1,33
	<i>Hẻm nhánh 157/17</i>	1	Suốt hẻm		1,33
	<i>Hẻm nhánh 157/22</i>	1	Suốt hẻm		1,33
	<i>Hẻm nhánh 157/39</i>	1	Suốt hẻm		1,33
	Hẻm 91	1	Đ. Nam Kỳ Khởi Nghĩa	BND khóm 5	1,20
	Hẻm 47	1	Đ. Nam Kỳ Khởi Nghĩa	BND khóm 5	1,30
	Hẻm 60	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm nhánh 60/29</i>	1	Suốt hẻm		1,43
Hẻm 70	1	Suốt hẻm		1,30	
91	<b>Đường Trần Văn Bảy</b>	1	Đường 30 tháng 4	Đ. Lê Hồng Phong	1,20
	<i>Hẻm 20</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 41</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 80</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 108</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 99, 134</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 163</i>	1	Suốt hẻm		1,20
92	<b>Đường Lý Đạo Thành</b>	1	Toàn tuyến		1,20
	Hẻm 8	1	Suốt hẻm		1,20

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023
			Từ	Đến	
93	<b>Đường Huỳnh Phan Hộ</b>	1	Đ. Hùng Vương	Cổng rạch Trà Men	1,50
	Hèm 2	1	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30/4	1,30
	<i>Hèm nhánh 2/10</i>	1	Suốt hèm		1,43
	<i>Hèm nhánh 2/13</i>	1	Suốt hèm		1,43
	Hèm 36	1	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30/4	1,20
	<i>Hèm nhánh 36/8</i>	1	Suốt hèm		1,43
	Hèm 64	1	Đường Huỳnh Phan Hộ	Thửa số 114	1,20
	Hèm 76	1	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30/4	1,20
	Hèm 110	1	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30/4	1,20
	Hèm 117	1	Đường Huỳnh Phan Hộ	Rạch Trà men	1,20
94	<b>Đường Trần Quốc Toàn</b>	1	Đường Hùng Vương	Cổng rạch Trà Men	1,20
	Hèm 46	1	Suốt hèm		1,20
	Hèm 104	1	Đường Trần Quốc Toàn	Rạch Trà men	1,20
	Hèm 109	1	Suốt hèm		1,20
95	<b>Đường Kênh Hồ Nước Ngọt</b>	1	<i>Đường Hùng Vương</i>	<i>Kênh Trường Thọ</i>	1,20
	Hèm 29 (P6)	1	Từ kênh HNN	Kênh 30/4	1,20
	<i>Hèm nhánh 29/16 (P6)</i>	1	Suốt hèm		1,43
	Hèm 32 (P5)	1	Suốt hèm		1,43
96	<b>Đường Phú Túc</b>	1	Đường Quốc Lộ 1A	<i>Dương Kỳ Hiệp</i>	1,20
	Hèm 75	1	Suốt hèm		1,40
97	<i>Đường Đal cặp Rạch Phú Túc (P2)</i>	1	<i>Đường Phú Túc</i>	<i>Đường Dương Kỳ Hiệp (P2)</i>	1,20
98	<i>Lộ giao thông K6 P7 giáp ranh huyện Châu Thành</i>	1	<i>Đường Trương Vĩnh Ký</i>	<i>Đường Dương Kỳ Hiệp</i>	1,20
99	<b>Đường Võ Thị Sáu</b>	1	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Duẩn	1,30
	Hèm 7	1	Suốt hèm		1,20
100	<b>Đường Trần Quang Khải</b>	1	Quốc lộ 1A	Kênh 8m	1,20
	Hèm 42, 47	1	Suốt hèm		1,41
101	<b>Đường Sương Nguyệt Anh</b>	1	Đường Trương Vĩnh Ký	<i>Kênh 3 tháng 2 (Đ. Dương Kỳ Hiệp)</i>	2,00
	Hèm 94 (P2)	1	Suốt hèm		1,50
	<i>Hèm 26 (P2)</i>	1	Suốt hèm		1,43
	<i>Hèm 132 (P2)</i>	1	Suốt hèm		1,43
102	<b>Tuyến tránh Quốc lộ 60</b>	1	Trên địa bàn phường 7		1,38
		2	Trên địa bàn phường 5		1,20
	<i>Hèm 192</i>	1	<i>Suốt tuyến</i>		1,20
	<i>Hèm 334</i>	1	<i>Suốt tuyến</i>		1,20

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023
			Từ	Đến	
103	<i>Tỉnh lộ 934 (An Dương Vương)</i>	1	Toàn tuyến		1,20
104	<i>Đường Trương Vĩnh Ký (Đ. Kênh Xáng Xà Lan cũ)</i>	1	<i>Sương Nguyệt Anh</i>	<i>Giáp ranh huyện Châu Thành</i>	1,20
	<i>Hẻm 135, 137</i>	1	Suốt hẻm		1,27
	<i>Hẻm 193, 291</i>	1	Suốt hẻm		1,43
	<i>Hẻm 97</i>	1	Suốt hẻm		1,43
105	<i>Phan Đăng Lưu (Đ. Kênh Xáng Xà Lan cũ)</i>	1	<i>Hẻm 91 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa</i>	<i>Giáp ranh huyện Châu Thành - Cầu Thanh Niên</i>	1,20
	<i>Hẻm 34 (P7)</i>	1	Suốt hẻm		1,43
	<i>Hẻm 02 (P7)</i>	1	Suốt hẻm		1,43
106	<i>Đường Triệu Quang Phục (Đường Công Tráng)</i>	1	Quốc lộ 1A	<i>Lộ nhựa Quân Khu IX</i>	1,20
	<i>Hẻm 12</i>	1	Suốt hẻm		1,20
107	<i>Đường kênh Thị đội (nay là đường Nguyễn Văn Khuynh)</i>	1	Đường Phạm Hùng	<i>Giáp ranh đường Chông Chác</i>	1,20
108	<i>Đường Sóc Mỏ côi cũ</i>	1	Đường Phạm Hùng	Đến giáp ranh phường 5 (đường cùng)	1,20
109	<i>Đường Bờ Tả sông Saintard (Nay là đường Trần Đại Nghĩa)</i>	1	Đường Phạm Hùng	<i>Giáp xã Châu Khánh</i>	1,20
110	<i>Đường Lộ Châu Khánh</i>	1	<i>Cuối đường Phạm Hùng (Bờ tả Sông Santard)</i>	<i>Giáp xã Châu Khánh</i>	1,20
	<b>Đường Tôn Đức Thắng</b>	1	Cầu C247	Đường Lê Vĩnh Hòa	1,24
		2	Đường Lê Vĩnh Hòa	Hẻm Chùa Phước Nghiêm	1,25
		3	Ranh hẻm Chùa Phước Nghiêm	Hết ranh UBND Phường 5	1,25
		4	Giáp ranh UBND Phường 5	Giáp Đường Lương Định Của	1,20
	<i>Hẻm 87</i>	1	<i>Đường Tôn Đức Thắng</i>	<i>Hết thửa số 51, tờ BĐ 44 Trần Quan Huôi</i>	1,20
	<i>Hẻm 163</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm nhánh 163/2/1</i>	1	Suốt hẻm		1,30
	<i>Hẻm 189</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 196</i>	1	<i>Đường Tôn Đức Thắng</i>	<i>Hết thửa số 179, tờ BĐ 45 Hoàng Thiên Nga</i>	1,20
	<i>Hẻm 222</i>	1	Suốt hẻm		1,30
	<i>Hẻm nhánh 222/15/1</i>	1	Suốt hẻm		1,30
	<i>Hẻm nhánh 222/22/1</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 250</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 278, 322, 352</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm nhánh 278/13/1</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm nhánh 278/46/1</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm nhánh 322/8/1</i>	1	Suốt hẻm		1,20



STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023
			Từ	Đến	
111	<i>Hẻm nhánh 352/8/2</i>	1		Suốt hẻm	1,30
	Hẻm 354A	1		Suốt hẻm	1,20
	Hẻm 283	1		Suốt hẻm	1,20
	Hẻm 311, 319, 337, 398	1		Suốt hẻm	1,30
	Hẻm 368	1		Suốt hẻm	1,20
	Hẻm 371, 389	1		Suốt hẻm	1,20
	<i>Hẻm nhánh 389/1/1</i>	1		Suốt hẻm	1,43
	Hẻm 382	1		Suốt hẻm	1,20
	Hẻm 420	1		Suốt hẻm	1,31
	<i>Hẻm nhánh 420/40/1</i>	1		Suốt hẻm	1,47
	<i>Hẻm nhánh 420/24/2</i>	1		Suốt hẻm	1,47
	Hẻm 452	1		Suốt hẻm	1,30
	<i>Hẻm nhánh 452/24/4</i>	1		Suốt hẻm	1,37
	<i>Hẻm nhánh 452/28/2</i>	1		Suốt hẻm	1,43
	Hẻm 472	1		Suốt hẻm	1,20
	Hẻm 498	1		Suốt hẻm	1,20
	<i>Hẻm nhánh 498/22/1</i>	1		Suốt hẻm	1,43
	Hẻm 516	1		Suốt hẻm	1,20
	<i>Hẻm nhánh 516/38/1</i>	1		Suốt hẻm	1,43
	Hẻm 532, 542	1		Suốt hẻm	1,20
	Hẻm 552	1		Suốt hẻm	1,20
	Hẻm 580	1		Suốt hẻm	1,20
	<i>Hẻm nhánh 580/10/1</i>	1		Suốt hẻm	1,47
	<i>Hẻm nhánh 580/32/1</i>	1		Suốt hẻm	1,33
	<i>Hẻm nhánh 580/42/1</i>	1		Suốt hẻm	1,33
	<i>Hẻm nhánh 580/49/1</i>	1		Suốt hẻm	1,33
	<i>Hẻm nhánh 580/61/1</i>	1		Suốt hẻm	1,34
	<i>Hẻm 589</i>	1		Suốt hẻm	1,20
	Hẻm 525	1		Suốt hẻm	1,20
	Hẻm 573, 596	1		Suốt hẻm	1,20
	<i>Hẻm nhánh 573/3/1</i>	1		Suốt hẻm	1,37
	Hẻm 593	1		Suốt hẻm	1,20
	Hẻm 638	1		Suốt hẻm	1,20
	<i>Hẻm nhánh 638/2/1</i>	1		Suốt hẻm	1,43
	<i>Hẻm nhánh 638/1/2</i>	1		Suốt hẻm	1,43
	<i>Hẻm nhánh 638/2/2</i>	1		Suốt hẻm	1,43
	Hẻm 674	1		Suốt hẻm	1,20
	Hẻm 658, 684	1		Suốt hẻm	1,20
	<i>Hẻm nhánh 684/9/2</i>	1		Suốt hẻm	1,43
	<i>Hẻm nhánh 684/10/1</i>	1		Suốt hẻm	1,30
	Hẻm 708	1		Suốt hẻm	1,20
	<i>Hẻm nhánh 708/10/1</i>	1		Suốt hẻm	1,30
	<i>Hẻm nhánh 708/18/1</i>	1		Suốt hẻm	1,43
	<i>Hẻm nhánh 708/22/1</i>	1		Suốt hẻm	1,33
	Hẻm 716	1		Suốt hẻm	1,20

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023
			Từ	Đến	
	Hẻm 726	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm nhánh 726/22/1</i>	1	Suốt hẻm		1,33
	Hẻm 744, 762, 780, 788	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm nhánh 744/6/1</i>	1	Suốt hẻm		1,43
	<i>Hẻm nhánh 744/12/2</i>	1	Suốt hẻm		1,43
	Hẻm 792	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 806, 814	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 49 (hẻm cũ 81 - P6)	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 55 (P6)	1	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 4 Đ. Nguyễn Chí Thanh	1,20
	<i>Hẻm 74 (P8)</i>	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 146 (P8)	1	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Trần Văn Hòa	1,20
	Hẻm 166 (P8)	1	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 2 (P8)	1,25
	Hẻm 178 (P8)	1	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 2 (P8)	1,20
112	<b>Đường Phạm Hùng</b>	1	Đường Bà Triệu	<i>Đường Coluso</i>	1,30
		2	<i>Đường Coluso</i>	Cổng 77	1,50
		3	Cổng 77	Cầu Saintard	1,65
	Hẻm 147A (P5)	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 5	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 5/1	1	Đường Phạm Hùng	Lộ đá cặp Kênh Cầu Xéo	1,30
	Hẻm 5/13	1	Hẻm 5/1	Hết thửa 166, tờ BĐ số 33	1,30
	Hẻm 117	1	Đường Phạm Hùng	Hết thửa 177 tờ BĐ số 34 Trần Mạnh Cường	1,20
		1	Giáp thửa 177 tờ BĐ số 34 Trần Mạnh Cường	Cuối hẻm	1,20
	Hẻm 54	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 98	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 112	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 126	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 158	1	Suốt hẻm		1,20
	<i>Hẻm 222</i>	1	Đường Phạm Hùng	Hết thửa đất 245, tờ BĐ số 34 Nguyễn Thị Thu Hên	1,20
	<i>Hẻm 663</i>	1	Đường Phạm Hùng	Hết thửa đất 100, tờ BĐ số 7 Ông Hai Tèo	1,20
Hẻm 838	1	Suốt hẻm		1,20	
Hẻm 843	1	Suốt hẻm		1,20	
<i>Hẻm 843/1</i>	1	Suốt hẻm		1,43	
113	<b>Đường Cao Thắng</b>	1	Đường Coluso	<i>Hết thửa đất 51, tờ BĐ số 45</i>	1,20
		2	<i>Giáp thửa đất 51, tờ BĐ số 45</i>	Đường Phạm Hùng	1,20
	Hẻm 13	1	Giáp đường Cao Thắng	Hết thửa đất số 91, tờ bản đồ 19	1,30
	Hẻm 91	1	Đường Cao Thắng	Hết thửa 4, tờ 48 Lý Văn Hiền	1,37
	Hẻm 143	1	Đường Cao Thắng	Hết thửa 119 của hộ ông Nguyễn Văn Chơi	1,37

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023
			Từ	Đến	
	Hẻm 290	1	Đầu ranh thửa 290, tờ BĐ số 10 - Lê Thanh Hiền, Đầu ranh thửa 17 tờ BĐ số 24	Cầu Thanh Niên khóm 6	1,20
114	Đường vào Cảng Sông	1	Phạm Hùng	Cao Thắng	1,20
	Đường Chông Chác	1	Kênh Thị Đới	Tôn Đức Thắng	1,20
115	Hẻm 96, 134, 145, 167 172, 182, 214, 215 (P5)	1	Suốt hẻm		1,40
	Đường Lương Định Của	1	Cổng Chông Chác	Giáp ranh H.Long Phú	1,20
116	Hẻm 71, 81, 176, 192, 204 (P5)	1	Suốt hẻm		1,40
	Hẻm 90 (P5)	1	Suốt hẻm		1,40
	Hẻm 97 (P5)	1	Suốt hẻm		1,40
	Đường Kênh Xáng (Coluso) - Nhánh 1 và Nhánh 2	1	Đường Bà Triệu	Hết thửa đất 21, tờ BĐ số 43 - Hết thửa đất 4, tờ BĐ số 43	1,30
	Hẻm 24 Cầu đen Kênh Xáng	1	Đầu hẻm	Hết Thửa 138, tờ BĐ số 38 Huỳnh Thị Dư	1,20
		1	Giáp thửa 138, tờ BĐ số 38 Huỳnh Thị Dư	Cuối hẻm	1,20
	Hẻm 68 (Hẻm Cầu Đen Kênh Xáng)	1	Suốt hẻm		1,20
117	Hẻm 84 (Hẻm Cầu Đen Kênh Xáng)	1	Đường Cầu Đen	Hết thửa 125, tờ BĐ số 33 Vương Tuấn Phát	1,20
	Hẻm 63	1	Đường Kênh Xáng (Coluso)	Giáp hẻm 84 (Cầu Đen), Hết thửa 12 tờ BĐ 39	1,20
	Hẻm nhánh 63/19	1	Suốt hẻm		1,40
	Hẻm nhánh 63/51	1	Suốt hẻm		1,40
	Hẻm 213	1	Suốt hẻm		1,40
	Hẻm 245	1	Suốt hẻm		1,40
	Hẻm 249	1	Suốt hẻm		1,30
	Hẻm 275	1	Suốt hẻm		1,30
	Hẻm 260	1	Đường Kênh Xáng (Coluso)	Đường Lê Duẩn	1,20
118	Đường hẻm Cầu Đen - Kênh Xáng	1	Đầu hẻm	Hết thửa 504, tờ BĐ số 30 Lê Thị Cẩm Vân	1,30
		2	Giáp thửa 504, tờ BĐ số 30 Lê Thị Cẩm Vân	Hết thửa 42, tờ BĐ số 31 Thạch Chiêu	1,30
		3	Giáp thửa 42, tờ BĐ số 31 Thạch Chiêu	Cuối hẻm	1,30
119	Đường lộ đá Coluso (P8)	1	Đường Phạm Hùng	Hết thửa đất 21, tờ BĐ số 43 - Hết thửa đất 4, tờ BĐ số 43	1,20
	Hẻm 10	1	Đường lộ đá Coluso	Đường Kênh Xáng	1,20
	Hẻm 11	1	Đường lộ đá Coluso	Đường Lê Duẩn	1,20
120	Đường dân sinh trước bệnh viện đa khoa Tỉnh song song với Lê Duẩn (P9)	1	Kênh Cô Bắc	Kênh 3 tháng 2	1,20

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023
			Từ	Đến	
121	Đường cấp Kênh 3/2 (P9)	1	Mạc Đình Chi	Đường Kênh Quảng Khuôn	1,70
		1	Đường Kênh Quảng Khuôn	Bạch Đằng	1,50
122	Đường Mạc Đình Chi nối dài (Đê bao ngăn mặn) K6P4	1	Sông Đĩnh	Giáp huyện Trần Đề	1,60
123	Đường Lê Đại Hành	1	Khóm 6, Phường 4		1,20
	Hẻm 764 (P4)	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 769, 859 (P4)	1	Suốt hẻm		1,40
	Hẻm 955 (P4)	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 843(P4)	1	Suốt hẻm		1,20
124	Lộ đá cấp kênh Cầu Xéo	1	Đường Phạm Hùng	Giáp Đường Chông Chác	1,20
	Hẻm 36, 68, 134, 236	1	Suốt hẻm		1,40
	Hẻm 248 (P5)	1	Suốt hẻm		1,40
125	Lộ nhựa (Coluso nối dài)	1	Đường Phạm Hùng	Lộ đá cấp kênh cầu xéo	1,20
126	Đường Kênh Quảng Khuôn (nay là đường Phan Văn Chiêu)	1	Đường Mạc Đình Chi	Đường 30/4 - Khóm 5, P9	2,50
127	Lộ nhựa cấp kênh 8m - P2	1	Toàn tuyến		1,20
128	Đường Trần Thủ Độ	1	Đường Trần Hưng Đạo	Quốc lộ 1A	1,20
129	Đường đê bao Trà Quýt (lộ đất cấp kênh đi Phụng Hiệp K3P7)	1	Quốc lộ 1A	Nguyễn Trường Tộ	1,20
130	Lộ đất giáp ranh H. Mỹ Xuyên P10	1	Quốc lộ 1A	Đ. Văn Ngọc Chính	1,20
131	Lộ nhựa cấp Quân Khu IX	1	Đầu ranh thửa đất số 156, tờ BĐ số 53 (K3, P2)	Giáp đường Trần Thủ Độ	1,30
	Hẻm 147	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 133	1	Suốt hẻm		1,20
	Hẻm 165	1	Suốt hẻm		1,20
132	Lộ nhựa cấp sông Maspero Phường 8	1	Từ Đường Cao Thắng, giáp kháng đài đua Ghe Ngo	Giáp ranh thu hồi KCN (Hết đất ông Thạch Huil)	1,20
133	Các hẻm vào khu vực chợ bàn cờ Đ. Hoàng Diệu	1	Toàn hẻm		1,20
134	Lộ đal Xóm Chài	1	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lê Duẩn	1,20
135	Lộ đal phường 9	1	Đường 30/4	Đường Kênh Quảng Khuôn	2,10
		1	Đường Kênh Quảng Khuôn	Cuối đường	1,70
136	Lộ Kênh Trường Thọ	1	Kênh 30 tháng 4	Đường Kênh 19 tháng 5	1,20
<b>II</b>	<b>CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KHU DÂN CƯ ĐÔ THỊ</b>				
1	Lộ đá KDC Bình An	1	Toàn tuyến		1,20
2	Khu Dân cư Hưng Thịnh	1	Toàn khu dân cư		1,20
3	KDC Tuấn Lan (P6)	1	Toàn khu dân cư		1,20
4	Khu Dân cư Hạnh Phúc	1	Toàn khu dân cư		1,20

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023
			Từ	Đến	
5	KDC của Hẻm 357 (điểm dân cư Trường Quân Sự tỉnh)	1	Toàn khu dân cư		1,20
6	KDC Nguyễn Hưng Phát	2	Các tuyến đường nội bộ trong Khu dân cư (trừ các thửa đất có cạnh tiếp giáp đường Điện Biên Phủ)		1,20
		1	Các thửa đất có cạnh tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (đoạn từ đường Yết Kiêu đến Cầu Đúc)		1,20
7	KDC Sáng Quang Phường 10	1	Toàn khu dân cư		1,20
8	KDC Sáng Quang Phường 2	1	Toàn khu dân cư		1,20
9	<b>KDC Minh Châu</b>				
	Đường A1, A2	1	Toàn tuyến		1,30
	Đường B	1	Quốc lộ 1A	Đường A2	1,20
		2	Đường A2	Đường A1	1,20
		3	<b>Đường A1</b>	Kênh 30/4	1,30
	Đường C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7	1	Toàn tuyến		1,30
Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7, D8, D9, D10, D11, D12, D13, D14, D15, D16, D17, D18, D19	1	Toàn tuyến		1,30	
10	<b>KDC xung quanh trường Quân sự Quân Khu 9</b>				
	Khu A	1	Các lô A5, A8, A12		1,20
	Khu B	1	Có mặt tiền giáp đường Trần Hưng Đạo		1,20
	Đường số 1	1	Giáp Đ. Trần Hưng Đạo	Đường số 9	1,20
		2	Đường số 9	Đường số 7	1,20
Các đường số 2, 3, 4, 5, 6, 6A, 7, 8, 9, 10	1	Toàn tuyến		1,20	
11	<b>Dự án Phát triển đô thị và tái định cư khu 5A</b>				
	Đường 9A, 9B, 14, 20, 22 và 23	1	Toàn tuyến		1,20
	<b>Đường số 5, 6, 16</b>	1	<b>Toàn tuyến</b>		1,20
	<b>Đường số 2, 3, 4, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 21, N24</b>	1	<b>Toàn tuyến</b>		1,20
	<b>Các đường còn lại trong KDC</b>	1	<b>Toàn tuyến</b>		1,20
<b>B</b>	<b>THỊ XÃ NGÃ NĂM</b>				
<b>I</b>	<b>PHƯỜNG 1</b>				
		1	Đầu ranh đất bà Ngô Thị Mết (cầu trắng cũ)	Cổng 5 Kẹ	1,25
		2	Cổng 5 Kẹ	Cầu Thanh Niên (Khóm 1)	1,25

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023
			Từ	Đến	
1	Đường Nguyễn Trung Trực.	3	Cầu Thanh Niên (Khóm 1)	Cầu Quản Lộ Phụng Hiệp (Khóm 7)	1,25
		4	Cầu Quản Lộ Phụng Hiệp (Khóm 7)	Kênh 90	1,25
		5	Kênh 90	Hết tuyến	1,30
2	Lộ đal kênh Năm Kẹ	1	Giáp đường Phạm Hùng	Giáp ranh phường 3	1,50
3	Đường 3 tháng 2.	1	Đầu ranh đất bà Ngô Thị Mết (Cầu trắng cũ)	Đường Trần Văn Bảy	1,20
		2	Đường Trần Văn Bảy	Hết ranh Chùa Phật Mẫu	1,30
		3	Giáp ranh Chùa Phật Mẫu	Hết ranh đất cây xăng số 1 (Hoàng Nhung)	1,30
		4	Giáp ranh đất cây xăng số 1 (Hoàng Nhung)	Cầu Cổng đá	1,30
4	Đường Lê Hồng Phong	1	Suốt tuyến		1,20
5	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1	Suốt tuyến		1,20
6	Đường Võ Thị Sáu	1	Suốt tuyến		1,20
7	Đường Trần Văn Bảy	1	Suốt tuyến		1,20
8	Đường Mai Thanh Thế	1	Giáp đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Văn Bảy	1,20
		2	Đường Trần Văn Bảy	Giáp đường Phạm Hùng	1,37
9	Đường Hùng Vương	1	Cầu Ngã Năm mới (ngang khu hành chính)	Đầu đường Nguyễn Trãi (Cầu Đò cũ)	1,20
		2	Giáp đường Nguyễn Trãi (Cầu Đò cũ)	Cầu Đò mới	1,20
		3	Cầu Đò mới	Cầu Bến Long	1,30
10	Đường Trần Hưng Đạo	4	Cầu Bến Long	Hết tuyến (Giáp phường 2)	1,40
		5	Cầu Bến Long	Hết tuyến (Giáp xã Long Bình)	1,50
11	Khu dân cư khóm 3, Phường 1	1	Đường N1		1,40
		1	Đường N2		1,40
		1	Đường N22		1,40
12	Đường N1 (Cụm công nghiệp Khóm 4)	1	Suốt tuyến		1,50
13	Đường 30 tháng 4	1	Mố cầu Đò cũ (đường 1-5) đến đầu voi	Hết ranh đất ông Năm Miên	1,20
		2	Giáp ranh đất ông Năm Miên	Đường nối Quốc lộ 61B (Nhánh rẽ 42 - Trà Ban)	1,30
14	Đường 1 tháng 5	1	Mố cầu Đò cũ	Rạch Xẻo Cạy	1,20
		2	Rạch Xẻo Cạy	Giáp ranh Phường 2	1,40
15	Đường Lê Văn Tám	1	Cầu Chùa Ông Bồn đến đầu voi	Hết ranh đất bà Ba Đê	1,25
		2	Giáp ranh đất bà Ba Đê	Hết ranh đất Hai Thời	1,40
		3	Giáp ranh đất Hai Thời	Cầu 2 Chánh giáp xã Vĩnh Quới	1,40

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023
			Từ	Đến	
16	<i>Đường Lê Văn Tám (đoạn mới làm)</i>	1	Cầu Chùa Ông Bồn	Hết ranh đất Hai Thờ	1,30
17	Đ. Lạc Long Quân	1	Giáp đường Mậu Thân	Hết ranh đất Chùa Ông Bồn cũ	1,20
		2	Giáp ranh đất Chùa Ông Bồn cũ	Giáp ranh xã Vĩnh Quới	1,40
18	Đường Mậu Thân	1	Giáp đường Lạc Long Quân	Cầu Treo	1,20
		2	Cầu treo	Cầu Đường Trâu	1,20
19	Đường Nguyễn Trãi (Quốc lộ 61B)	1	Giáp đường Hùng Vương (mỏ cầu Đò cũ)	Cổng ông Phạm Văn Bê (Nghĩa trang liệt sĩ mới)	1,41
20	Đường Lê Hoàng Chu	1	Suốt đường		1,40
21	Quốc lộ 61B	1	Giáp xã Long Bình	Cổng ông Phạm Văn Bê (Nghĩa trang liệt sĩ mới)	1,40
		2	Cổng ông Phạm Văn Bê (Nghĩa trang liệt sĩ mới)	Cầu Đò mới	1,40
		3	Cầu Đò mới	Giáp đường 30/4	1,30
		3	Giáp đường 30/4	Cầu Dừa (Trà Ban)	1,30
22	<i>Lộ đal kênh 30/4</i>	1	<i>Giáp đường Phạm Hùng (nối dài)</i>	<i>Giáp ranh giới phường 3</i>	1,20
23	<i>Đường Huỳnh Thị Tân</i>	1	<i>Đường Nguyễn Huệ</i>	<i>Đường Phạm Hùng</i>	1,20
		2	<i>Đoạn còn lại</i>		1,20
24	<i>Đường Phạm Hùng</i>	1	<i>Đường Nguyễn Huệ</i>	<i>Đường 3/2</i>	1,30
25	<i>Đường Nguyễn Huệ</i>	1	<i>Giáp đường Mai Thanh Thế</i>	Quản lộ Phụng Hiệp	1,30
26	<i>Đường Nguyễn Văn Linh</i>	1	Quản lộ Phụng Hiệp	Hết tuyến	1,45
27	Quản lộ Phụng Hiệp	2	Kênh Cống đá	Cầu Kênh Phú Lộc - Ngã Năm	1,20
		1	Cầu Kênh Phú Lộc - Ngã Năm	Kênh Bến Long	1,20
		3	Kênh Bến Long	Ranh Phường 2	1,20
28	<i>Đường Phạm Văn Đồng</i>	1	<i>Đường Nguyễn Trãi</i>	<i>Đường Nguyễn Văn Linh</i>	1,20
		2	<i>Cầu Ngã Năm mới</i>	<i>Đường Nguyễn Huệ</i>	1,20
29	<i>Đường Xẻo Cạy (hai bên)</i>	1	Giáp đường 1 tháng 5	Giáp đường 30/4 (Cầu Dừa)	1,40
30	<i>Kênh 90 (hai bên)</i>	1	Giáp đường Nguyễn Trung Trực	Ranh xã Phường 3	1,40
31	Lộ mới Khóm 2	1	Cầu chùa Ông Bồn	Bờ kè chợ nổi	1,40
<b>II</b>	<b>PHƯỜNG 2</b>				
1	<i>Đường Cách Mạng Tháng 8</i>	1	Cổng Lý Thanh	Đường vào khu hành chính mới	1,20
2	<i>Khóm 1</i>	1	Đầu ranh đất bà Hoàng	Hết ranh đất Trường Tiểu học Phường 2	1,20
3	<i>Đường Lý Tự Trọng</i>	1	Đường vào khu hành chính mới	Hết đất cây xăng ông Dũng	1,20
		2	Giáp đất cây xăng ông Dũng	Kênh 8/3	1,20
		3	Kênh 8/3	Kênh Mỹ Lợi	1,30

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Hệ số năm 2023
			Từ	Đến	
		3	Kênh Mỹ Lợi	Cầu kênh Bình Hưng	1,30
		4	Cầu kênh Bình Hưng	Giáp ranh xã Tân Long	1,30
4	Kênh Quán Lộ - Phụng Hiệp	1	Giáp công Lý Thanh	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Từ	1,30
		2	Đầu ranh đất Cây xăng Trường Thịnh đến đầu voi	Hết ranh đất nhà máy Tư Mễnh	1,35
		3	<i>Đầu ranh đất cây xăng Trường Thịnh</i>	<i>Giáp phường Trà Lồng-thị xã Long Mỹ - Hậu Giang</i>	1,35
		3	<i>Cầu Treo</i>	<i>Giáp Phường 1</i>	1,40
		3	<i>Đầu ranh đất Bà Hoàng</i>	<i>Giáp Phường 1</i>	1,40
5	<i>Đường Âu Cơ</i>	1	Đầu ranh đất ông Sùng	Giáp đường Quán lộ-Phụng Hiệp	1,20
6	Khóm 1 (Áp Tân Lập B)	1	Đầu ranh đất ông Tăng Văn Tuấn đến đầu voi	Hết ranh đất nhà ông Cà Hom	1,20
7	Khóm Tân Thành A	1	Đầu ranh đất Trại cửa Phú Cường đến đầu voi	Đến mô cầu treo	1,20
8	Quản lộ Phụng Hiệp	4	Giáp Huyện Mỹ Tú	Giáp kinh xáng Mỹ Phước	1,30
		2	<i>Kinh Xáng Mỹ Phước</i>	<i>Kênh 8/3</i>	1,20
		1	<i>Kênh 8/3</i>	<i>Hết đất Bà Hoàng</i>	1,20
		2	<i>Giáp ranh đất bà Hoàng</i>	<i>Hết ranh trường THCS</i>	1,20
		3	Giáp ranh đất Trường THCS	Giáp Phường 1	1,20
9	Quốc lộ 61B	1	Giáp ranh Cầu Dừa	<i>Cầu Trà Ban (Giáp ranh tỉnh Hậu Giang)</i>	1,20
10	Đường UBND Phường	1	Đầu ranh đất UBND Phường	Giáp đường vào Trường học cũ	1,20
<b>III</b>	<b>PHƯỜNG 3</b>				
1	Đường nhựa ven Kênh Xáng Phụng Hiệp	1	Cầu Cống Đá	Hết ranh đất Lộ rẽ Tám Tuấn đầu nổi QLPH	1,23
		2	<i>Giáp ranh đất Lộ rẽ Tám Tuấn đầu nổi QLPH</i>	Hết ranh đất ông Tám Thầy	1,25
		3	<i>Khu vực đất quy hoạch chợ Vĩnh Biên (Nay thuộc phường 3)</i>		1,25
		4	<i>Đầu ranh đất Trường THCS Phường 3 (Ngoại trừ đất quy hoạch chợ Vĩnh Biên nay thuộc phường 3)</i>	Giáp ranh đất ông Tám Thầy	1,25
		5	<i>Giáp ranh đất Trường THCS Phường 3</i>	<i>Giáp ranh tỉnh Bạc Liêu</i>	1,25
2	Quản lộ Phụng Hiệp	1	<i>Cầu Cống Đá</i>	<i>Cống Tám Xưa</i>	1,35
		2	Cống Tám Xưa	Cống Hai Cường	1,40
		1	<i>Cống Hai Cường</i>	<i>Cầu Nàng Rền</i>	1,30
		3	Cầu Nàng Rền	Giáp tỉnh Bạc Liêu	1,30